

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ - ST
Ngày 12 - 9 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thuận

2. Ông Lê Sỹ Nghiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST - HNGĐ ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2023, bản tự khai ngày 15/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quách Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N1 xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/11/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc, đến tháng 5/2019 mâu thuẫn bắt đầu phát sinh. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, trong cuộc sống anh N1 không tu chí làm ăn, lâm vào con đường bài bạc dẫn đến nợ nần phải bán nhà. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh N1 không thay đổi. Mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Đến tháng 10/2019 chị đã đưa các con về quê ngoại ở huyện Q, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn N1.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn N1 có 3 con chung là Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 10/10/2008; Nguyễn Thiên H, sinh ngày 08/3/2012 và Nguyễn Thiên S, sinh ngày 15/5/2019. Các con ở với chị từ khi vợ chồng sống ly thân (tháng 10/2019 đến nay). Nguyên vọng của chị khi ly hôn, chị xin được nuôi 3 con và yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000đ/tháng (3 con là 3.000.000đ/tháng).

Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N1. Về con chung: Hiện nay chị làm nghề kinh doanh buôn bán, thu nhập trung bình mỗi tháng 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Chị đã có nhà riêng nhưng hiện nay chị và các con đang thuê nhà gần trường học để thuận lợi các con đi học. Chị cam đoan đảm bảo điều kiện nuôi con nên chị xin được nuôi cả 3 con. Về cấp dưỡng chị yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000đ/tháng (3 con là 3.000.000đ/tháng). Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9/2023 đến khi con thành niên; về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Nguyễn Văn N1:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh Nguyễn Văn N1. Anh N1 đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và biết nội dung chị N khởi kiện nhưng anh N1 không đến Tòa án để làm việc, cũng không giao nộp văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án. Tại Biên bản tổng đạt ngày 11/8/2023 của Văn phòng Thừa phát lại Sầm Sơn tổng đạt Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh N1 có ghi nội dung: “Không chấp nhận, cần có thời gian để xác nhận lại một số vấn đề trong cuộc hôn nhân để đảm bảo quyền lợi cho con cái và bản thân”.

Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình ông Nguyễn Văn Phúc, địa chỉ: thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Ông Nguyễn Văn P cho biết: Anh Nguyễn Văn N1 là con trai của ông, có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình Tòa án giải quyết, anh N1 có mặt ở nhà và đã trực tiếp nhận văn bản của Tòa án nhưng không đến Tòa án để làm việc. Đến ngày 14/8/2023 anh N1 đã ra Hà Nội làm ăn.

Về quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn N1 và chị Quách Thị N theo ông P trình bày như sau: Năm 2008 anh Nguyễn Văn N1 kết hôn với chị Quách Thị N, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N1 làm ăn bị thua lỗ, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, vợ chồng phải bán nhà để trả nợ. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, chị N đưa 3 con về ngoại ở từ năm 2019, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Quan điểm của anh N1 do các con còn nhỏ nên anh chưa muốn ly hôn mà để vài năm nữa các con lớn rồi ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh N1 có 3 con chung là Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 10/10/2008; Nguyễn Thiên H, sinh ngày 08/3/2012 và Nguyễn Thiên S, sinh ngày 15/5/2019. Hiện nay các con đang ở với chị N. Nếu vợ chồng ly hôn, anh N1 cũng có nguyện vọng xin được nuôi con nhưng hiện nay anh chưa có điều kiện nuôi con, đang phải đi làm xa nhà để trả nợ nên anh đồng ý để chị N nuôi cả 3 con.

Về tài sản và nợ chung: Anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án ông sẽ thông báo ngay lại cho anh N1 biết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và N1 vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và N1 vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị N và anh N1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 08/11/2018, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị N được ly hôn anh N1.

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX giao 3 cháu Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 10/10/2008; Nguyễn Thiên H, sinh ngày 08/3/2012 và Nguyễn Thiên S, sinh ngày 15/5/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng, 3 con là 3.000.000đ/tháng đến khi 3 con thành niên.

+ Về tài sản chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh N1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Chị Quách Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Anh Nguyễn Văn N1 có địa chỉ thường trú tại thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

- Anh Nguyễn Văn N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh N1 vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh N1 theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị N và anh Nguyễn Văn N1 xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng nhau phát triển kinh tế. Anh N1 đã có thời gian chơi bời nợ nần dẫn đến phải bán nhà để trả nợ, từ đó vợ chồng không còn tình cảm. Đối với anh N1, đã biết Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, biết nội dung

chị N yêu cầu nhưng trong thời hạn luật định, anh không giao nộp văn bản nêu ý kiến của mình cũng không đến Tòa án để làm việc, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, thể hiện anh cũng không quan tâm, tha thiết níu kéo tình cảm. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh N1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh N1 là phù hợp.

[2. 2]. Về con chung: Chị N và anh N1 có 3 con chung là Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 10/10/2008; Nguyễn Thiên H, sinh ngày 08/3/2012 và Nguyễn Thiên S, sinh ngày 15/5/2019. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng xin được nuôi cả 3 con. Xét thấy hiện nay 3 con đang ở với chị N. Cháu Th và cháu H cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Chị N cam đoan đảm bảo điều kiện để nuôi dạy con. Về phía anh N1 hiện nay không có mặt tại địa phương, đang đi làm ăn xa lấy tiền trả nợ nên không đủ điều kiện nuôi con. Thông qua xác minh tại gia đình anh N1 cũng đồng ý để chị N nuôi cả 3 con. HĐXX xét thấy để tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và phù hợp với nguyện vọng của các con cần giao cả 3 con cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng buộc anh N1 cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng, 3 con là 3.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9/2023 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh N1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh N1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Quách Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn N1.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Thiên Th, sinh ngày 10/10/2008; Nguyễn Thiên H, sinh ngày 08/3/2012 và Nguyễn Thiên S, sinh

ngày 15/5/2019 cho chị Quách Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn N1 cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng, 3 con là 3.000.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 9/2023 đến khi con thành niên. Phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng.

Anh Nguyễn Văn N1 có quyền, N1 vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Quách Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007292 ngày 29/5/2023. Chấp nhận chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn N1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị N, vắng mặt anh N1. Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã T;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trịnh Thị Hà

